

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH/CHUYÊN NGÀNH : QUẢN TRỊ KINH DOANH
TÊN TIẾNG ANH : Business Administration
MÃ SỐ : 7340101
LOẠI HÌNH ĐÀO TẠO : Chính quy

Đà Nẵng, Năm 2018

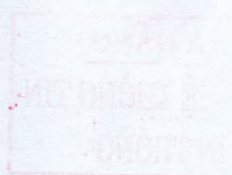
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	5
A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT	5
B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TẦM NHÌN VÀ SỨ MẠNG	5
I. Triết lý giáo dục	5
II. Tầm nhìn	6
III. Sứ mạng	6
C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	6
I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)	6
1.1. Mục tiêu chung	6
1.2. Mục tiêu cụ thể	7
II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	7
2.1. Về kiến thức	7
2.2. Về kỹ năng	8
2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm	8
III. Ma trận quan hệ giữa mục tiêu đào tạo (PO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)	8
IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam	8
V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học	10
VI. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp	10
6.1. Tiêu chí tuyển sinh	10
6.2. Quá trình đào tạo	10
6.3. Điều kiện tốt nghiệp	10
VII. Chiến lược giảng dạy và học tập	11
7.1. Chiến lược dạy học trực tiếp	11
7.2. Chiến lược dạy học gián tiếp	11
7.3. Phương pháp dạy học	11
D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	13
I. Cấu trúc chương trình đào tạo	13
II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức	13
III. Cây chương trình đào tạo	16
IV. Khung chương trình đào tạo	16
V. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)	19
E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ	21
I. Quy trình đào tạo	21
II. Phương pháp đánh giá và cách tính điểm	22

2.1.	Đánh giá kết quả học tập	22
2.2.	Đánh giá học phần.....	23
2.3.	Phương pháp đánh giá học phần	23
2.4.	Cách tính điểm học phần	24
III.	Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)	25
F.	MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN.....	26
G.	ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Xem phụ lục).....	40
H.	HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	40
I.	ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	40
I.	Cập nhật chương trình đào tạo	40
II.	Đánh giá chương trình đào tạo	40
	PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN.....	41
	PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC	48

A NĂNG
Ệ THÔNG TIN
EN THÔNG

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT	8
Bảng 2. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học	9
Bảng 3. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam	9
Bảng 4. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT	12
Bảng 5. Các khối kiến thức và số tín chỉ.....	13
Bảng 6. Danh sách học phần thuộc các khối kiến thức tương ứng	13
Bảng 7. Khung chương trình đào tạo	16
Bảng 8. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với các học phần	19
Bảng 9. Hệ thống thang điểm đánh giá	25
Bảng 10. Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT	25



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*Ban hành theo Thông báo số 76 /QĐ-KCNTT&TT ngày 10/7/2018 của Trường
khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông)*

A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:

1.	Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt):	Quản trị kinh doanh
2.	Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):	Business Administration
3.	Trình độ đào tạo:	Đại học
4.	Mã ngành đào tạo:	7340101
5.	Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh đã tốt nghiệp THPT
6.	Thời gian đào tạo:	4 năm (8 học kỳ)
7.	Loại hình đào tạo:	Chính quy
8.	Số tín chỉ yêu cầu:	124
9.	Thang điểm:	Thang điểm 4
10.	Điều kiện tốt nghiệp:	Sinh viên được xét công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:
	Chuẩn ngoại ngữ	Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đạt từ bậc 3 trở lên theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (công văn 3990/ĐHĐN-ĐT)
	Chuẩn tin học	Đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông ngày 11/03/2014
11.	Văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân Quản trị kinh doanh
12.	Vị trí việc làm:	<i>(Theo Chuẩn đầu ra của CTĐT đã ban hành)</i>
13.	Khả năng nâng cao trình độ:	<i>(Theo Chuẩn đầu ra của CTĐT đã ban hành)</i>
14.	Chương trình đào tạo đối sánh:	

ĐẠI
KHOA CÔN
VÀ

B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

I. Triết lý giáo dục – Giá trị cốt lõi

Chất lượng - Sáng tạo - Nhân văn - Phục vụ cộng đồng

Chất lượng: Bao gồm chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và dịch vụ phục vụ cộng đồng từng bước được nâng lên theo chuẩn mực quốc tế. Đảm bảo sinh viên tốt

nghiệp từ ĐHĐN có trình độ, kỹ năng tương đương với sinh viên các nước ASEAN và thế giới.

Sáng tạo: Thể hiện với tinh thần đổi mới cách nghĩ, cách làm, biến thách thức thành cơ hội, là nơi sản sinh ra tri thức mới; sinh viên tốt nghiệp ra trường có tính năng động cao, tự thích nghi với môi trường công tác và có tinh thần khởi nghiệp.

Nhân văn: Đào tạo sinh viên có tình yêu quê hương đất nước, quý trọng truyền thống văn hóa bốn nghìn năm của dân tộc, có đạo đức trong thi hành công vụ, vị tha, tinh thần hợp tác, tôn trọng lẫn nhau để cùng đạt mục tiêu.

Phục vụ cộng đồng: Liên tục cải thiện chất lượng phục vụ Tổ quốc, phục vụ cộng đồng là mục tiêu phấn đấu của các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học của ĐHĐN. Điều này đòi hỏi cập nhật, đổi mới thường xuyên chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy để sinh viên tốt nghiệp có năng lực công tác tốt nhất, phục vụ cộng đồng hiệu quả nhất.

II. Tầm nhìn

Đại học Đà Nẵng sẽ là một trong ba trung tâm đại học lớn nhất của cả nước; một trong ba đại học trọng điểm quốc gia; trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học đa ngành, đa lĩnh vực, chất lượng cao, đạt chuẩn quốc gia; ngang tầm khu vực và quốc tế.

Đại học Đà Nẵng sẽ được xếp hạng trong nhóm 50 đại học hàng đầu khu vực Đông Nam Á với nhiều ngành mũi nhọn trong các lĩnh vực kỹ thuật, kinh tế, khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn, y học; là trung tâm hợp tác nghiên cứu và triển khai ứng dụng mang tầm vóc quốc gia và quốc tế.

III. Sứ mạng

Đào tạo nguồn nhân lực có tinh thần nhân văn, tư duy sáng tạo và quyết tâm khởi nghiệp; có bản lĩnh, lập trường và thích nghi nhanh chóng với môi trường lao động trong nước và quốc tế đang thay đổi nhanh chóng; tiên phong trong giữ gìn bản sắc dân tộc, truyền bá tri thức khoa học, góp phần xây dựng Tổ quốc Việt Nam hòa bình, thịnh vượng.

C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (CTĐT)

I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh trình độ đại học trang bị cho người học sự phát triển toàn diện về kiến thức; phẩm chất chính trị, có đạo đức và sức khỏe tốt; những kiến thức cơ bản về lĩnh vực kinh tế - xã hội, pháp luật kinh doanh, kiến thức nền tảng về quản trị kinh doanh và tin học, kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử. Hoàn thành chương trình đào tạo, người học có khả năng thích ứng với những thay đổi của môi trường kinh doanh, đáp ứng được nhu cầu phát triển của

ngành và xã hội; có thể tham gia vận hành, quản lý trong các tổ chức ứng dụng TMĐT hoặc độc lập thực hiện các hoạt động TMĐT một cách hiệu quả.

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Về kiến thức

+ PO1. Ứng dụng được các tri thức khoa học về nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và pháp luật vào công việc và cuộc sống

+ PO2. Giải quyết được những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản trong lĩnh vực kinh tế và quản trị kinh doanh; Phân tích, đánh giá thị trường và đề xuất, thực hiện các kế hoạch kinh doanh, marketing, nhân sự, tài chính cho doanh nghiệp.

+ PO3. Vận hành được các Website thương mại điện tử; thành thạo các giao dịch thương mại điện tử; Xây dựng và thực hiện các chiến lược thương mại điện tử.

- Về kỹ năng

+ PO4. Kỹ năng sáng tạo để hình thành các cơ hội kinh doanh mới; Kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm; Giao tiếp tốt với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp; Có tư duy phản biện và kỹ năng giải quyết vấn đề.

+ PO5. Kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và các vấn đề liên quan đến môi trường kinh doanh mà tổ chức đang hoạt động; Lập kế hoạch, triển khai các hoạt động thương mại điện tử, marketing điện tử, vận hành website thương mại điện tử, thực hiện thành thạo các giao dịch thương mại điện tử trong giao dịch thương mại điện tử.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm

+ PO6. Có trách nhiệm với xã hội và tôn trọng pháp luật; Tuân thủ các chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp trong quá trình ra quyết định và cân nhắc đến tác động của nhiều bên hữu quan; Có nhận thức đúng đắn, lòng đam mê và trách nhiệm đối với nghề nghiệp;

II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

2.1. Về kiến thức

- PLO1. Vận dụng, phân tích và đánh giá được hệ thống tri thức khoa học về những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước và pháp luật

- PLO2. Vận dụng các kiến thức chung trong lĩnh vực kinh tế để giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến ngành quản trị kinh doanh

- PLO3. Áp dụng được các kiến thức cơ bản trong quản trị kinh doanh để phân tích, đánh giá và xây dựng được các chiến lược, kế hoạch hoạt động cho doanh nghiệp.

- PLO4. Vận hành được các Website thương mại điện tử; thực hiện được các giao dịch thương mại điện tử.

2.2. Về kỹ năng

- PLO5. Có kỹ năng làm việc độc lập và tổ chức làm việc theo nhóm
- PLO6. Có kỹ năng sống và làm việc trong điều kiện môi trường áp lực cao.
- PLO7. Có kỹ năng truyền thông, giao tiếp với khách hàng, đối tác và đồng nghiệp.
- PLO8. Có kỹ năng phân tích, đánh giá kết quả hoạt động và các vấn đề liên quan đến môi trường kinh doanh mà tổ chức đang hoạt động
- PLO9. Có kỹ năng xây dựng chiến lược, kế hoạch và tổ chức, triển khai thực hiện các hoạt động kinh doanh trong doanh nghiệp
- PLO10. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản
- PLO11. Đạt chuẩn tiếng Anh tương đương TOEIC 500 hoặc có chứng chỉ các ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 – Khung chung châu Âu.

2.3. Về mức tự chủ và trách nhiệm

- PLO12. Tuân thủ pháp luật, chuẩn mực chung của xã hội và nghề nghiệp
- PLO13. Tham gia vào các hoạt động cộng đồng và thực hiện trách nhiệm xã hội
- PLO14. Có tính kỷ luật, trách nhiệm đối với nghề nghiệp; năng động, tự tin, chuyên nghiệp trong công việc

III. Ma trận quan hệ giữa mục tiêu đào tạo (PO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLOs)

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu của CTĐT (POs)	Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)													
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
PO1	X													
PO2		X	X											
PO3				X										
PO4					X	X	X							
PO5								X	X					
PO6										X	X			
PO7												X	X	X

IV. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam

ĐÀ N
HỆ T
N TH

Kiến thức	Kỹ năng	Năng lực tự chủ và trách nhiệm
KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo. KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật. KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc. KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn.	KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp. KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác. KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi. KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm. KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp. KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam.	TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm. TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định. TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân. TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động.

Bảng 3. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam

[illegible]

PLO5								X	X			X	X		
PLO6						X		X							
PLO7										X					
PLO8										X					
PLO9						X			X						
PLO10										X	X				
PLO11						X							X		X
PLO12						X									
PLO13														X	
PLO14							X							X	

V. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học

Cơ hội việc làm

Sinh viên tốt nghiệp từ CTĐT ngành Quản trị kinh doanh có thể làm các công việc:

- Chuyên viên bộ phận quản trị dự án TMĐT, chuyên viên bộ phận quản trị marketing TMĐT, chuyên viên bộ phận truyền thông kinh doanh trực tuyến.
- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh hay chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo...
- Có khả năng khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực thương mại điện tử.

VI. Tiêu chí tuyển sinh, quá trình đào tạo và điều kiện tốt nghiệp

6.1. Tiêu chí tuyển sinh

CTĐT ngành Quản trị kinh doanh chấp nhận các ứng viên đảm bảo những điều kiện sau:

1. Học sinh đã tốt nghiệp THPT trong cả nước
2. Đăng ký và làm bài kiểm tra tốt nghiệp trung học quốc gia ở nhóm A (Toán, Vật lý, Hóa học) hoặc Nhóm A1 (Toán, Vật lý, Tiếng Anh) hoặc Nhóm D (Toán, Văn và Tiếng Anh) và có nguyện vọng về Quản trị kinh doanh

6.2. Quá trình đào tạo

CTĐT được cấu trúc theo hệ thống tín chỉ, quá trình đào tạo tuân theo quy định của Bộ GD&ĐT, Đại học Đà Nẵng và Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông. Thời gian đào tạo trong 3,5 năm – 4 năm. Mỗi năm học gồm hai học kỳ chính. Theo lộ trình được thiết kế, sinh viên được học các học phần thuộc khối kiến thức cơ bản và cơ sở ngành từ học kỳ 1 đến học kỳ 3, các kiến thức chuyên ngành được học trong 5 học kỳ tiếp theo.

6.3. Điều kiện tốt nghiệp

Sinh viên muốn được trường xét tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:

1. Cho đến thời điểm tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
2. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định.
3. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.00 trở lên.
4. Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định.
5. Có chứng chỉ Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng.
6. Có đơn gửi Phòng đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

VII. Chiến lược giảng dạy và học tập

Nhằm giúp sinh viên đạt được các mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ngành Quản trị Kinh doanh, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Đà Nẵng đã thiết kế các chiến lược và phương pháp dạy học cụ thể như sau:

7.1. Chiến lược dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là chiến lược dạy học trong đó thông tin được chuyển tải đến với người học theo cách trực tiếp, giáo viên trình bày và sinh viên lắng nghe. Chiến lược dạy học này thường được áp dụng trong các lớp học truyền thống và tỏ ra có hiệu quả khi muốn truyền đạt cho người học những thông tin cơ bản, giải thích một kỹ năng mới.

Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này được CTĐT ngành Quản trị kinh doanh áp dụng gồm phương pháp thuộc nhóm 1 của Phương pháp giảng dạy và học tập.

7.2. Chiến lược dạy học gián tiếp

Người học được tạo điều kiện trong quá trình học tập mà không cần có bất kỳ hoạt động giảng dạy công khai nào được thực hiện bởi giảng viên. Đây là tiến trình dạy học tiếp cận hướng đến người học, lấy người học làm trung tâm, trong đó giảng viên không trực tiếp truyền đạt nội dung bài học đến sinh viên mà thay vào đó, sinh viên được khuyến khích tham gia tích cực trong tiến trình học, sử dụng kỹ năng tư duy phản biện để giải quyết vấn đề. Các phương pháp giảng dạy theo chiến lược này gồm các phương pháp thuộc nhóm 2 đến 7 của Phương pháp giảng dạy và học tập.

7.3. Phương pháp dạy học

Gồm 20 phương pháp thuộc 7 nhóm phương pháp như sau:

STT	Mã	Tên phương pháp giảng dạy, học tập (TLM)	Nhóm phương pháp
-----	----	--	------------------

ẢNH
TỔNG
HỢP

1	TLM1	Giải thích cụ thể (Explicit Teaching)	1
2	TLM2	Thuyết giảng (Lecture)	1
3	TLM3	Tham luận (Guest Speaker)	1
4	TLM4	Giải quyết vấn đề (Problem Solving)	2
5	TLM5	Tập kích não (Brainstorming)	2
6	TLM6	Học theo tình huống (Case Study)	2
7	TLM7	Đóng vai (Role Playing)	3
8	TLM8	Trò chơi (Game)	4
9	TLM9	Thực tập, thực tế (Field Trip)	4
10	TLM10	Tranh luận (Debates)	4
11	TLM11	Thảo luận (Discussion)	5
12	TLM12	Học nhóm (Peer Practice)	5
13	TLM13	Câu hỏi gợi mở (Inquiry)	5
14	TLM14	DA nghiên cứu (Research Project)	6
15	TLM15	Học trực tuyến Tech-Based method	7
16	TLM16	Bài tập ở nhà (Work Assignment)	6
17	TLM17	Hướng dẫn (Seminar/Tutorial)	1
18	TLM18	Biểu diễn (Story Theatre)	3
19	TLM19	Mô phỏng (Simulation)	4
20	TLM20	Lớp học lắp ghép (Jigsaw)	5

Các phương pháp giảng dạy và học tập nói trên giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra CTĐT, thể hiện trong bảng dưới đây:

Bảng 4. Mối liên hệ giữa phương pháp dạy-học và chuẩn đầu ra CTĐT

Chiến lược và phương pháp dạy - học		Chuẩn đầu ra CTĐT (PLOs)													
		PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8	PLO 9	PLO 10	PLO 11	PLO 12	PLO 13	PLO 14
1	TLM1		X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X
2	TLM2		X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X
3	TLM3	X	X		X		X			X		X	X	X	X
4	TLM4	X	X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X
5	TLM5		X	X			X				X	X	X		
6	TLM6		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
7	TLM7		X	X			X				X	X	X		
8	TLM8		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X
9	TLM9	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	
10	TLM10		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
11	TLM11		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
12	TLM12		X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X
13	TLM13		X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X

14	TLM14		X	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
15	TLM15	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
16	TLM16		X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	
17	TLM17		X	X		X	X	X	X	X		X	X	X	
18	TLM18														
19	TLM19		X	X		X	X	X		X	X	X	X		X
20	TLM20														

D. CẤU TRÚC VÀ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 03 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 5.

Bảng 5. Các khối kiến thức và số tín chỉ

Số TT	Khối kiến thức	Số tín chỉ	
		Bắt buộc	Lựa chọn
I	Khối kiến thức chung	32	0
II	Khối kiến thức cơ sở ngành	29	5
III	Khối kiến thức ngành	41	7
IV	Thực tập cuối khóa	10	0
	Tổng	112	12

Ghi chú: Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và ngoại ngữ.

II. Nội dung chương trình đào tạo theo các khối kiến thức

Bảng 6. Danh sách học phần thuộc các khối kiến thức tương ứng

Số TT	Tên học phần	Số tín chỉ	Loại học phần			Ghi Chú
			Bắt buộc	Tự chọn bắt buộc	Tự chọn tự do	
I	Kiến thức chung	32				
1	Kinh tế học	4	X			
2	Tin học đại cương	3	X			
3	Quản trị học	3	X			
4	Pháp luật đại cương	2	X			
5	Nhập môn kinh doanh	3	X			
6	Tiếng anh 1	3	X			

TIN

ĐẠI HỌC
KHOA CÔNG NGHỆ
VÀ TRUYỀN THÔNG

7	Tiếng anh 2	2	X			
8	Tiếng anh 3	2	X			
9	Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lenin I	2	X			
10	Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lenin II	3	X			
11	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3	X			
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	X			
II	Kiến thức cơ sở ngành	34				
	Học phần bắt buộc	29				
13	Marketing căn bản	3	X			
14	Giao tiếp trong kinh doanh	3	X			
15	Thống kê kinh doanh	2	X			
16	Kế toán doanh nghiệp	2	X			
17	Luật kinh doanh	3	X			
18	Tiếng Anh chuyên ngành 1,2,3,4	8	X			
19	Hệ thống thông tin quản lý	2	X			
20	Quản trị nguồn nhân lực	3	X			
21	Kỹ thuật đồ họa ứng dụng	3	X			
	Học phần tự chọn (chọn 5 tín chỉ)	5				
22	Toán ứng dụng trong kinh tế	2	X			
23	Hành vi tổ chức	3			X	
24	Thị trường và các định chế tài chính	3			X	
25	Kinh doanh quốc tế	3			X	
26	Kĩ năng thuyết trình	2			X	
27	Quản trị chiến lược	3			X	
28	Hành vi người tiêu dùng	2			X	
29	Ứng dụng tin học trong kinh doanh	3			X	

Chọn 3
tín chỉ
trong các
học phần
tự chọn tự
do

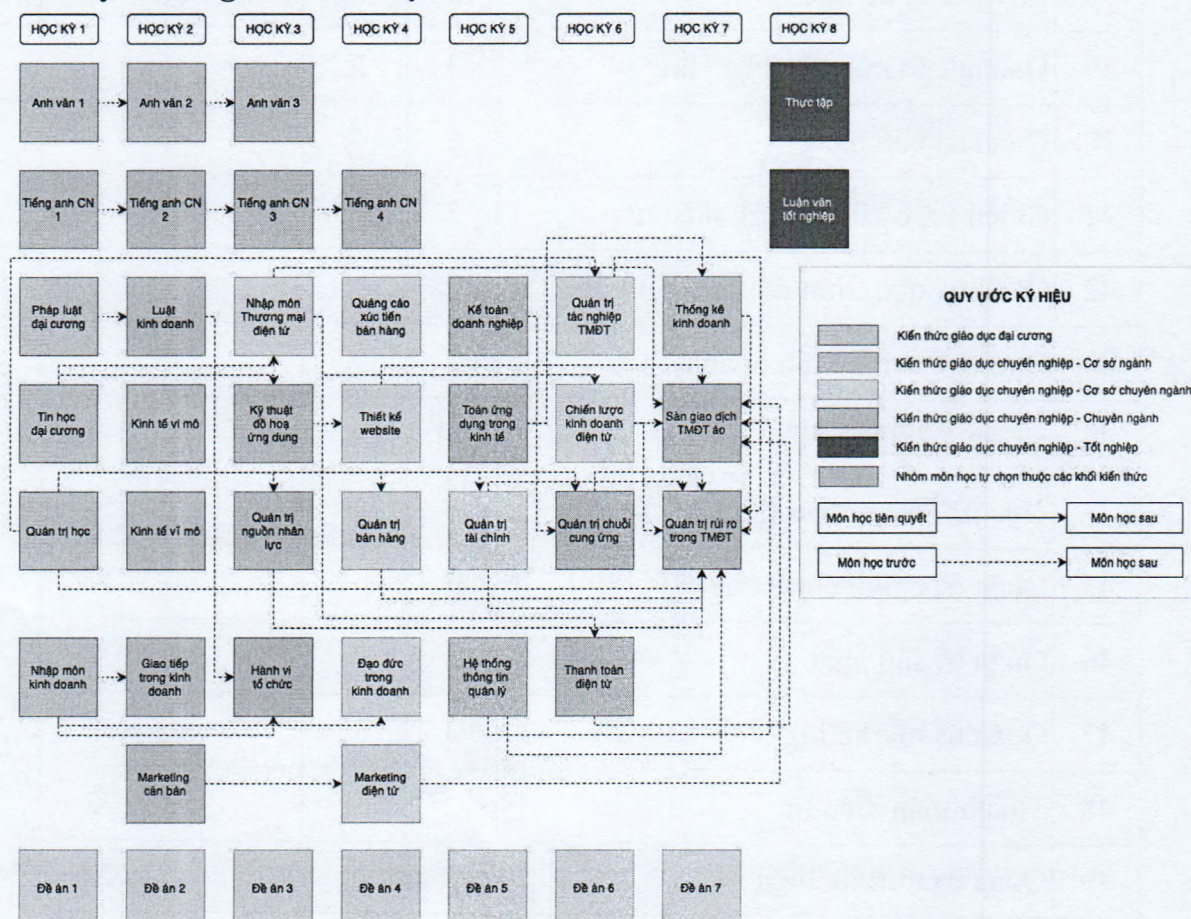
30	Kỹ năng làm việc nhóm	2			X	
31	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2			X	
32	Kỹ năng sử dụng phần mềm power point	2			X	
33	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2			X	
III	Kiến thức ngành	48				
	Học phần bắt buộc	41				
34	Quản trị tài chính	3	X			
35	Nhập môn Thương mại điện tử	3	X			
36	Thiết kế website	2	X			
37	QT tác nghiệp thương mại điện tử	3	X			
38	Marketing điện tử	3	X			
39	Quảng cáo xúc tiến bán hàng	3	X			
40	Quản trị bán hàng	3	X			
41	Chiến lược kinh doanh điện tử	3	X			
42	Quản trị quá trình đổi mới sáng tạo	2	X			
43	Đạo đức trong kinh doanh	2	X			
44	Đề án 1,2,3,4,5,6,7	14	X			
	Học phần tự chọn (chọn 7 tín chỉ)	7				
45	Quản trị chuỗi cung ứng	3			X	
46	Quản trị sản xuất	3			X	
47	Quản trị marketing	3			X	
48	Thanh toán điện tử	2			X	
49	Quản trị thương hiệu	3			X	
50	Quản trị rủi ro trong TMĐT	2			X	
51	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3			X	
52	Kỹ năng tìm kiếm việc làm và tuyển	2			X	

Chọn 5
tín chỉ
trong các
học phần
tự chọn tự
do

ĐÀ NẴ
HỆ TH
N THÔN

	dụng					
53	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	X			
54	Kỹ năng thực hiện Khóa luận tốt nghiệp	2			X	
IV	GDQP&TC	5				
V	Thực tập cuối khóa	10				
	<i>Hình thức 1</i>					
55	Bảo vệ báo cáo thực tập tốt nghiệp	4	X			
56	Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6	X			
	<i>Hình thức 2</i>					
57	Bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp	10	X			

III. Cây chương trình đào tạo



IV. Khung chương trình đào tạo

Bảng 7. Khung chương trình đào tạo

ST	Tên học phần	Số tín chỉ	Học
----	--------------	------------	-----

T		Lý thuyết	Thực hành	Bài tập	Thực tập	Tổng cộng	Phần học trước
Học kỳ I - Năm nhất – Mô hình Kinh doanh		13	1	2		16	
1	Pháp luật đại cương	2				2	
2	Anh văn 1	3				3	
3	Tin học đại cương	2	1			3	
4	Tiếng Anh chuyên ngành 1	2				2	
5	Kinh tế học	4				4	
6	Đề án 1			2		2	
Học kỳ II - Năm nhất – Môi trường kinh		16		2		18	
1	Quản trị học	3				3	
2	Nhập môn kinh doanh	3				3	
3	Marketing căn bản	3				3	
4	Luật kinh doanh	3				3	Pháp
5	Anh văn 2	2				2	Anh
6	Tiếng Anh chuyên ngành 2	2				2	Tiếng
7	Đề án 2			2		2	Đề án
Học kỳ III - Năm hai – Quản trị nhân sự		16		2		18	
1	Đề án 3			2		2	Đề án
2	Anh văn 3	2				2	Anh
3	Tiếng Anh chuyên ngành 3	2				2	Tiếng
4	Quản trị nguồn nhân lực	3				3	
5	Nhập môn TMĐT	3				3	
6	Kỹ thuật đồ họa ứng dụng	3				3	
7	Chọn tối thiểu 3 tín chỉ trong các học phần	3				3	
	Hành vi tổ chức	3				3	
	Thị trường và các định chế tài chính	3				3	
	Kinh doanh quốc tế	3				3	
	Kỹ năng thuyết trình	2				2	
	Quản trị chiến lược	3				3	
	Hành vi người tiêu dùng	2				2	
	Ứng dụng tin học trong kinh doanh	3				3	
	Kỹ năng làm việc nhóm	2				2	
	Kỹ năng soạn thảo văn bản	2				2	

	Kỹ năng sử dụng phần mềm power point	2				2	
	Kỹ năng giải quyết vấn đề	2				2	
Học kỳ IV - Năm hai – Tiếp Thị và bán hàng		14	1	2		17	
1	Đề án 4			2		2	Đề án
2	Tiếng Anh chuyên ngành 4	2				2	Tiếng
3	Quản trị bán hàng	3				3	
4	Marketing điện tử	3				3	Marke
5	Quảng cáo xúc tiến bán hàng (MCI)	3				3	Marke
6	Thống kê kinh doanh	2				2	
7	Thiết kế website	1	1			2	
Học kỳ V - Năm ba – Quản trị tài chính		12		2		16	
1	Đề án 5			2		2	Đề án
2	Kế toán doanh nghiệp	2				2	
3	Toán ứng dụng trong KT (tự chọn bắt	2				2	
4	Quản trị tài chính	3				3	
5	Hệ thống Thông tin quản lý	2				2	
6	Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-	2				2	
7	Giao tiếp trong kinh doanh	3				3	
Học kỳ VI - Năm ba _ Chiến lược kinh doanh		12		2		14	
1	Đề án 6			2		2	Đề án
2	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	3				3	Nhập
3	Chiến lược kinh doanh điện tử	3				3	Nhập
4	Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-	3				3	
5	Chọn tối thiểu 3 tín chỉ trong các học phần	3				3	
	Quản trị chuỗi cung ứng	3				3	
	Quản trị sản xuất	3				3	
	Quản trị marketing	3				3	
	Quản trị thương hiệu	3				3	
	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3				3	
Học kỳ VII - Năm tư – Tư duy đổi mới sáng		13		2		15	
1	Đề án 7			2		2	Đề án
2	Đạo đức trong KD	2				2	
3	Phương pháp nghiên cứu khoa học (Học	2				2	
4	Quản trị quá trình đổi mới sáng tạo	2				2	
5	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3				3	
6	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2	

7	Chọn tối thiểu 2 tín chỉ trong các học phần	2				2	
	<i>Thanh toán điện tử</i>	2				2	Nhập
	<i>Quản trị thương hiệu</i>	3				3	
	<i>Quản trị rủi ro trong TMDT</i>	2				2	Nhập
	<i>Kỹ năng tìm kiếm việc làm và tuyển dụng</i>	2				2	
	<i>Kỹ năng thực hiện Khóa luận tốt nghiệp</i>	2				2	
Học kỳ VIII- Năm tư – Khởi sự kinh doanh		10				10	
	Thực tập cuối khóa						
	<i>Hình thức 1</i>	6			4	10	
1	Bảo vệ báo cáo thực tập tốt nghiệp				4	4	
2	Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ từ các học	6				6	
	<i>Hình thức 2</i>		10			10	
1	Bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp		10			10	
	Tổng Cộng (chưa tính GDTC và					12	

V. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLOs)

Bảng 8. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với các học phần

STT	Học phần	Số TC	Tỉ lệ %	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Kiến thức chung	32															
1	Kinh tế học	4			X	X		X	X	X	X	X	X		X	X	X
2	Tin học đại cương	3						X			X						X
3	Quản trị học	3			X	X		X				X	X	X			
4	Pháp luật đại cương	2		X	X	X				X		X			X	X	X
5	Nhập môn kinh doanh	3		X	X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X
6	Tiếng anh 1	3											X				
7	Tiếng anh 2	2											X				
8	Tiếng anh 3	2											X				
9	Các NL cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lenin I	2		X	X			X	X								
10	Các NL cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lenin II	3		X	X			X	X						X	X	X
11	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	3		X				X							X	X	X
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2		X	X				X								
II	Kiến thức cơ sở ngành	34															
	Học phần bắt buộc	29															
13	Marketing căn bản	3			X	X		X		X	X	X					X
14	Giao tiếp trong kinh doanh	3			X	X		X	X	X			X		X	X	X

44	Đề án 2	2			X	X		X	X		X	X	X		X		X
44	Đề án 3	2			X	X		X		X	X	X	X				X
44	Đề án 4	2			X	X				X	X	X	X				
44	Đề án 5	2			X	X		X	X		X	X		X	X	X	
44	Đề án 6	2			X	X		X		X	X	X	X				X
44	Đề án 7	14			X	X		X		X	X	X	X				X
	Học phần tự chọn (chọn 7 tín chỉ)	7															
45	Quản trị chuỗi cung ứng	3			X		X			X		X	X				
46	Quản trị sản xuất	3			X	X		X	X						X		
47	Quản trị marketing	3			X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X		X
48	Thanh toán điện tử	2		X			X	X	X	X	X	X	X	X	X		X
49	Quản trị thương hiệu	3			X	X		X	X		X	X					X
50	Quản trị rủi ro trong TMĐT	2			X	X		X	X	X	X	X	X	X	X		X
51	Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin	3					X	X	X	X	X		X	X	X		X
52	Kỹ năng tìm kiếm việc làm và tuyển dụng	2						X	X	X	X		X		X		X
53	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X			
54	Kỹ năng thực hiện Khóa luận tốt nghiệp	2			X			X							X		X
IV	GDQP&TC	5		X	X									X			X
V	Thực tập cuối khóa	10															
	<i>Hình thức 1</i>																
55	Bảo vệ báo cáo thực tập tốt nghiệp	4		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
56	Học bổ sung ít nhất 6 tín chỉ được chọn từ các học phần tự chọn	6			X	X	X	X	X	X	X	X			X		X
	<i>Hình thức 2</i>																
57	Bảo vệ Khóa luận tốt nghiệp	10			X	X	X	X		X		X	X	X	X	X	X

E. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CÁCH THỨC, CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

I. Quy trình đào tạo

Chương trình đào tạo được xây dựng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Đại học Đà Nẵng. Chương trình giảng dạy được xây dựng trên hệ thống tín chỉ cho phép sinh viên linh hoạt trong kế hoạch học tập cá nhân để có thể tốt nghiệp trong vòng 3 đến 6 năm.

Mỗi năm học bao gồm hai học kỳ chính (giữa tháng 8 đến cuối tháng 6) và học kỳ mùa hè (đầu tháng 7 đến giữa tháng 8). Trong 1,5 năm đầu tiên, sinh viên sẽ học các khóa học khối kiến thức chung và các khóa học khối kiến thức nền tảng (kinh doanh); các khóa học khối kiến thức chuyên ngành 2,5 năm tiếp theo; và sinh viên phải tham gia thực tập tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp trong học kỳ cuối.

II. Phương pháp đánh giá và cách tính điểm

2.1. Đánh giá kết quả học tập

Đánh giá của sinh viên về quá trình học tập được dựa trên Quy chế đào tạo tín dụng của Bộ giáo dục đào tạo và Quy định của Đại học Đà Nẵng về đánh giá khóa học. Theo các quy định này, kết quả của sinh viên không chỉ được đánh giá liên tục trong suốt học kỳ mà còn được đánh giá qua năm học và toàn bộ chương trình. Trong mỗi khóa học, lớp học sinh viên được tính từ đánh giá liên tục và đánh giá tổng kết. Việc đánh giá đảm bảo nguyên tắc rõ ràng, chính xác, khách quan, thường xuyên và liên tục. Các yêu cầu và tiêu chí cụ thể được thiết kế và cung cấp cho sinh viên để tạo hiểu biết trước khi học

Mục tiêu của đánh giá kết quả học tập là đưa ra những kết luận, phân loại về mức độ đạt được của mục tiêu và chuẩn đầu ra, sự tiến bộ của người học tại thời điểm cố định trong quá trình học gồm đánh giá giữa kỳ, đánh giá cuối kỳ và đánh giá cuối chương trình học. Các phương pháp đánh giá định kỳ được sử dụng như sau:

TT	Mã PP	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
1.	AM1	Kiểm tra tự luận (Written Exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Theo phương pháp đánh giá này, sinh viên được yêu cầu trả lời một số câu hỏi, bài tập hay ý kiến cá nhân về những vấn đề liên quan đến yêu cầu chuẩn đầu ra về kiến thức của học phần và được đánh giá dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Thang điểm đánh giá được sử dụng trong phương pháp đánh giá này là thang 10. Số lượng câu hỏi trong bài đánh giá được thiết kế tùy thuộc vào yêu cầu nội dung kiến thức của học phần.
1	AM2	Kiểm tra trắc nghiệm (Multiple choice Exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Phương pháp đánh giá này tương tự như phương pháp kiểm tra viết, sinh viên được yêu cầu trả lời các câu hỏi liên quan dựa trên đáp án được thiết kế sẵn. Điểm khác là trong phương pháp đánh giá này sinh viên trả lời các câu hỏi yêu cầu dựa trên các gợi ý trả lời cũng được thiết kế và in sẵn trong đề thi.
2	AM3	Kiểm tra vấn đáp (Oral Exam)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Trong phương pháp đánh giá này, sinh viên được đánh giá thông qua phỏng vấn, hỏi đáp trực tiếp.

TT	Mã PP	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
3	AM4	Báo cáo, bài tập lớn (Written Report)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ... trong báo cáo.
4	AM5	Đánh giá báo cáo thực tập (Internship Report)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được đánh giá thông qua sản phẩm báo cáo của sinh viên, bao gồm cả nội dung trình bày trong báo cáo, cách thức trình bày thuyết minh, bản vẽ hình ảnh, biểu đồ... trong báo cáo.
5	AM6	Đánh giá Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp (Graduation Thesis)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Khóa luận/ Đồ án tốt nghiệp được đánh giá bởi giảng viên hướng dẫn, hội đồng đánh giá khóa luận/đồ án bằng cách sử dụng các phiếu đánh giá phù hợp với ngành đào tạo.

2.2. Đánh giá học phần

Khoa Công nghệ thông tin và Truyền Thông, Đại học Đà Nẵng đã phát triển và áp dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Các phương pháp đánh giá này được thiết kế để đảm bảo không chỉ đánh giá kiến thức chuyên môn của sinh viên mà còn tập trung vào đánh giá thái độ và kỹ năng được thể hiện rõ ràng trong ELOs. Các đánh giá phù hợp được lựa chọn tùy thuộc vào chiến lược, phương pháp giảng dạy và yêu cầu kết quả học tập trong mỗi học phần. Các đánh giá đảm bảo thông tin đầy đủ để đánh giá sự phát triển và quá trình học tập của sinh viên cũng như hiệu quả của quá trình giảng dạy.

2.3. Phương pháp đánh giá học phần

TT	Mã PP	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
1	AM7	Đánh giá chuyên cần (Attendance Checking)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Ngoài thời gian tự học, sự tham gia thường xuyên của người học trong học phần cũng phản ánh thái độ học tập của người học; sự tham gia đầy đủ các giờ học theo quy định giúp người học tiếp cận kiến thức, rèn luyện kỹ năng một cách hệ thống, liên tục và hình thành thái độ tốt, đúng đắn, chấp hành nội quy, nề nếp tại cơ quan, doanh nghiệp sau khi

TT	Mã PP	Hình thức đánh giá	Mô tả phương pháp đánh giá
			người học tốt nghiệp. Việc đánh giá chuyên cần được thực hiện theo các tiêu chí đánh giá tùy thuộc vào tính chất học phần quy định (lý thuyết, thực hành, thực tập...)
2	AM8	Đánh giá bài tập (Classroom tasks và Homework assignment)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định.
3	AM9	Đánh giá bài tập trên elearning (E-learning platform assignment)	<i>Mô tả phương pháp:</i> người học được yêu cầu thực hiện một số nội dung liên quan đến bài học trong giờ học hoặc ngoài giờ học trên lớp thông qua hệ thống học tập trực tuyến LMS. Các bài tập này có thể thực hiện bởi một cá nhân và một nhóm người học được đánh giá theo tiêu chí cụ thể tùy giảng viên quy định.
4	AM10	Đánh giá thuyết trình (Oral Presentation)	<i>Mô tả phương pháp:</i> Trong một số học phần học phần, người học được yêu cầu làm việc nhóm để giải quyết một vấn đề, tình huống hay nội dung liên quan đến bài học và trình bày kết quả của nhóm trước các nhóm khác. Hoạt động không những giúp người học đạt được kiến thức chuyên ngành mà còn phát triển các kỹ năng như: kỹ năng giao tiếp, thương lượng, làm việc nhóm.

2.4. Cách tính điểm học phần

Thang điểm 10 được sử dụng để đánh giá học phần. Điểm học phần bằng tổng các điểm thành phần nhân với trọng số tương ứng.

Thang điểm chữ dùng để phân loại kết quả học dựa trên điểm học phần.

Thang điểm 4 được dùng khi tính điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy để đánh giá kết quả học tập của sinh viên sau mỗi học kỳ và cho điểm tổng kết quả học tập của sinh viên.

Bảng 9. Hệ thống thang điểm đánh giá

Phân loại	Thang điểm 10	Thang điểm 4	Thang điểm chữ
Đạt	Từ 8.5 đến 10	4	A
	Từ 7.0 đến 8.4	3	B
	Từ 5.5 đến 6.9	2	C
	Từ 4.0 đến 5.4	1	D
Không đạt	< 4.0	0	F

III. Ma trận quan hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra (PLOs)

Bảng 10. Mối liên hệ giữa phương pháp đánh giá và chuẩn đầu ra CTĐT

STT	Mã phương pháp	Phương pháp đánh giá	Chuẩn đầu ra (PLOs)													
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
I	Đánh giá tiến trình															
1	AM1	Đánh giá chuyên cần	X	X	X	X	X		X	X	X	X	X	X	X	X
2	AM2	Đánh giá bài tập		X	X	X	X		X	X	X	X		X	X	X
3	AM3	Đánh giá thuyết trình		X	X	X	X		X	X	X					
4	AM4	Đánh giá hoạt động		X	X		X	X	X		X	X		X	X	X
5	AM5	Nhật ký thực tập	X	X	X	X	X	X		X			X		X	X
II	Đánh giá tổng kết															
6	AM6	Kiểm tra tự luận		X	X	X	X	X	X	X	X	X		X	X	X
7	AM7	Kiểm tra trắc nghiệm		X	X		X	X	X	X	X	X		X		X
8	AM8	Bảo vệ và thi vấn đáp		X	X	X	X	X	X			X		X	X	X
9	AM9	Báo cáo			X		X		X		X	X	X	X	X	X
10	AM10	Đánh giá làm việc nhóm			X	X	X		X		X	X	X	X	X	X
11	AM11	Báo cáo	X	X	X	X	X	X		X			X		X	X

VẮNG
THÔNG
TÔNG

		khóa luận													
12	AM12	Khác													

F. MÔ TẢ TÓM TẮT HỌC PHẦN

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
1	Kinh tế học	Học phần này giới thiệu những kiến thức tổng quát về kinh tế vi mô, kinh tế vĩ mô và các nguyên lý cơ bản về hoạt động của toàn bộ nền kinh tế và doanh nghiệp như cung - cầu hàng hóa, lý thuyết người tiêu dùng, lý thuyết về doanh nghiệp, cạnh tranh và độc quyền, thị trường yếu tố sản xuất, những hạn chế của kinh tế thị trường và sự can thiệp của chính phủ; các chỉ tiêu kinh tế - thước đo thành tựu của 1 nền kinh tế - như chỉ tiêu tổng sản lượng quốc gia, tỉ lệ thất nghiệp, tỉ lệ lạm phát,..
2	Tin học đại cương	Học phần cung cấp các kiến thức rất cơ bản cho lĩnh vực kinh tế: thông tin trên máy tính, cách hoạt động của thông tin trên máy tính, công cụ sử dụng trong soạn thảo văn bản (Microsoft Word), công cụ được sử dụng trong tính toán bảng tính (Microsoft Excel), Cách thức vận hành của Internet. Từ đó sinh viên có thể sử dụng kiến thức để áp dụng vào các môn học tiếp theo trong chương trình học.
3	Quản trị học	Học phần giúp hệ thống các quan điểm (lý thuyết) về quản trị và đặc biệt tập trung nhấn mạnh đến sự thích ứng của lý thuyết đối với kinh doanh trong một môi trường mang tính toàn cầu và năng động.
4	Pháp luật đại cương	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng nhất về Nhà nước và pháp luật nói chung cũng như những vấn đề cơ bản về bộ máy nhà nước và hệ thống pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, từ đó giúp hình thành ý thức tôn trọng pháp luật trong mỗi sinh viên, góp phần vào việc xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.
5	Nhập môn kinh doanh	Học phần Nhập môn Kinh doanh bao gồm các chương liên quan về kinh doanh, kinh tế, đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, các loại hình doanh nghiệp, khơi dậy tinh thần doanh nghiệp và doanh nhân, quản trị thông tin và tài chính. Học phần bao gồm nội dung lý thuyết và các case study đa

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		dạng giúp sinh viên làm quen với môi trường kinh doanh thực tế cũng như tăng kỹ năng tư duy phản biện. Dựa vào đó, sinh viên sẽ có kiến thức cơ bản về các chức năng trong một tổ chức như quản trị nhân sự, tiếp thị, kế toán, tài chính, vận hành và sản xuất.
6	Tiếng anh 1	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng và ngữ pháp làm nền tảng cho việc hình thành các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc và viết) tương ứng với năng lực Tiếng Anh bậc A2
7	Tiếng anh 2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng và ngữ pháp làm nền tảng cho việc hình thành các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc và viết) tương ứng với năng lực Tiếng Anh bậc A2 (tt)
8	Tiếng anh 3	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về từ vựng và ngữ pháp làm nền tảng cho việc hình thành các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc và viết) tương ứng với năng lực Tiếng Anh bậc A2 (tt)
9	Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lenin I	Ngoài 1 chương mở đầu nhằm giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mac-Lênin và một số vấn đề chung của môn học. Căn cứ vào mục tiêu môn học, nội dung chương trình môn học được cấu trúc thành 3 phần, 9 chương: Phần thứ nhất có 3 chương bao quát những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mac-Lênin; phần thứ hai có 3 chương trình bày ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac-Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa; phần thứ ba có 3 chương, trong đó có 2 chương khái quát những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mac-Lênin về chủ nghĩa xã hội và 1 chương khái quát chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.
10	Các nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mac-Lenin II	Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mac - Lênin 2 là học phần thuộc kiến thức giáo dục cơ bản trong chương trình khung giáo dục Đại học, thuộc nhóm ngành khoa học chính trị, nó quan hệ chặt chẽ với các môn khoa học xã hội nhân văn mà đặc biệt là môn Tư tưởng Hồ Chí Minh và Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam. Nghiên cứu góp phần

ĐẠI HỌC
KHOA CÔNG NGHỆ
VÀ TRUYỀN THÔNG

TIN

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		quan trọng vào việc củng cố nền tảng tư tưởng chính trị của Đảng và là kim chỉ nam hành động của cách mạng Việt Nam, nâng cao nhận thức, tình cảm và niềm tin đối với sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa cho sinh viên. Hiểu rõ mục đích, con đường, lực lượng, cách thức bước đi của sự nghiệp giải phóng con người. Chủ động sáng tạo trong công việc, khắc phục tư tưởng bảo thủ trì trệ. Xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng cho sinh viên.
11	Đường lối cách mạng của ĐCSVN	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam là học phần cơ sở bắt buộc trong chương trình đào tạo Đại học của tất cả các chuyên ngành. Học phần được bố trí giảng dạy sau môn học Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác-Lênin 1, 2 và Tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: lịch sử ra đời của Đảng; quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối của Đảng; kết quả, ý nghĩa và bài học kinh nghiệm của Đảng. Nội dung chủ yếu của môn học là cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản có hệ thống về đường lối của Đảng, đặc biệt là đường lối trong thời kỳ đổi mới
12	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Tư tưởng Hồ Chí Minh là môn khoa học cung cấp những kiến thức cơ bản về tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh với ý nghĩa là sự vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện cụ thể Việt Nam, đồng thời là cơ sở lý luận trực tiếp trong việc hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam từ 1930 đến nay. Học phần này giúp sinh viên hiểu được một cách tương đối đầy đủ và có hệ thống về bối cảnh lịch sử - xã hội, cơ sở hình thành, phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh; Các nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về: Vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH; Trên cơ sở đó góp phần giúp sinh viên hình thành lập trường khoa học và cách mạng, kiên định con đường mà Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã lựa chọn.

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
13	Marketing căn bản	Học phần bao gồm những nguyên lý căn bản của hoạt động Marketing và sự vận dụng vào thực tiễn của doanh nghiệp với các nội dung chính: Tìm hiểu bản chất hoạt động Marketing; phân tích môi trường Marketing, nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; lựa chọn và thâm nhập thị trường mục tiêu: phân khúc thị trường, chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường cho doanh nghiệp; thiết lập Marketing-mix, bao gồm các chính sách về sản phẩm, định giá, phân phối và truyền thông – cổ động
14	Giao tiếp trong kinh doanh	Học phần Giao tiếp trong kinh doanh là kiến thức cơ sở ngành bắt buộc đối với sinh viên chuyên ngành Quản trị kinh doanh, cung cấp cho người học từ những kiến thức cơ bản như khái niệm, vai trò của giao tiếp đến các kỹ năng chủ yếu sử dụng trong hoạt động giao tiếp thường ngày cũng như trong kinh doanh như kỹ năng nghe, kỹ năng nói, và sử dụng ngôn từ, kỹ năng viết thư thương mại, kỹ năng đàm phán, thương lượng trong kinh doanh,...Việc nắm vững các kiến thức, kỹ năng này sẽ giúp sinh viên tự tin, linh hoạt khi đối mặt với những tình huống diễn ra trong thực tiễn.
15	Thống kê kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về điều tra, chọn mẫu, tổng hợp và phân tích dữ liệu thống kê, xử lý dữ liệu và ứng dụng toán học vào dự đoán kinh tế và phân tích kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị dựa trên các số liệu đã có. Ngoài ra, học phần còn trang bị cho sinh viên các phương pháp thống kê sử dụng trong việc thu thập và phân tích dữ liệu, làm cơ sở để có thể ra các quyết định trong kinh doanh.
16	Kế toán doanh nghiệp	Học phần cung cấp các kiến thức nền tảng về kế toán – tài chính như bản chất kế toán, các nguyên tắc kế toán chung được thừa nhận, đối tượng và các phương pháp kế toán chủ yếu; giúp người học hình thành các kỹ năng quản lý liên quan đến kế toán như kiểm tra chứng từ kế toán, đọc hiểu báo cáo tài chính....
17	Luật kinh doanh	Học phần trình bày những vấn đề cơ bản về chủ thể kinh doanh theo quy định của pháp luật Việt Nam; các quy định

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		về hợp đồng dân sự, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh, thương mại, trình tự và thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.
18	Tiếng Anh chuyên ngành 1,2,3,4	Học phần Tiếng anh chuyên ngành 1 nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và thuật ngữ liên quan đến quản trị nói chung như: quản trị, cấu trúc tổ chức, cấu trúc thị trường,... Ngoài ra, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, thuyết trình cũng được củng cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng ngôn ngữ đã học vào môi trường kinh doanh. Học phần Tiếng anh chuyên ngành 2 nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và thuật ngữ liên quan đến môi trường kinh doanh: các lĩnh vực kinh tế khác nhau, chu kì kinh tế, cấu trúc thị trường và sự cạnh tranh. Ngoài ra, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, thuyết trình cũng được củng cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng ngôn ngữ đã học vào môi trường kinh doanh. Học phần Tiếng anh chuyên ngành 3 nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức và thuật ngữ liên quan đến quản trị nguồn nhân lực như: công việc, tuyển dụng, động cơ, hiệu suất làm việc,... Ngoài ra, các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, thuyết trình cũng được củng cố và phát triển nhằm giúp sinh viên vận dụng ngôn ngữ đã học vào môi trường kinh doanh. Học phần Tiếng anh chuyên ngành 4 nhằm trang bị kiến thức tiếng Anh chuyên ngành marketing và quảng cáo. Các nội dung sinh viên cần nắm rõ các khái niệm và thuật ngữ tiếng Anh về sản phẩm, nhận diện thương hiệu, tìm kiếm ý tưởng cho sản phẩm, chu kỳ vòng đời sản phẩm, vai trò của marketing, chiến lược định giá và kênh phân phối, khuyến mãi bán hàng, chiến dịch quảng cáo thành công. Sinh viên được rèn luyện nhớ, hiểu, và vận dụng từ vựng, ngữ pháp; các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết; và kỹ năng thuyết trình cho sinh viên chuyên ngành marketing, sales và quảng cáo.
19	Hệ thống thông tin quản lý	Học phần hệ thống thông tin quản lý sẽ giới thiệu về các kiến thức bản về thời đại thông tin, các nguồn thông tin trong doanh nghiệp, phân loại hệ thống thông tin, vai trò của

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Trong học phần này sẽ cung cấp các kiến thức về cơ sở hạ tầng của hệ thống thông tin bao gồm phần cứng, phần mềm, cơ sở dữ liệu, truyền thông và mạng. Ngoài ra, kiến thức về phân tích và thiết kế hệ thống, các phương pháp phát triển hệ thống thông tin trong doanh nghiệp, các hệ thống thông tin cơ bản như hệ thống xử lý giao dịch, hệ thống thông tin quản lý được giới thiệu cụ thể.
20	Quản trị nguồn nhân lực	Quản trị nguồn nhân lực là chức năng không thể thiếu trong bất kỳ tổ chức nào. Vì vậy, học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về vai trò, chức năng quản trị nguồn nhân lực của tổ chức; những ảnh hưởng, ràng buộc của pháp luật, công nghệ, môi trường cạnh tranh tới quản trị nguồn nhân lực, phân tích công việc và định mức lao động, lập kế hoạch nguồn nhân lực, xây dựng kế hoạch và tổ chức tuyển dụng
21	Kỹ thuật đồ họa ứng dụng	Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên tổng quan về thiết kế đồ họa Vector và thiết kế video. Trang bị các kiến thức, kỹ năng về phần mềm Illustrator và After Effect, nắm được các tính năng, thao tác, công cụ, hiệu ứng, biên tập, chỉnh sửa các đối tượng đồ họa 2D và Video. Rèn luyện cho sinh viên khả năng thực hiện các sản phẩm thiết kế đồ họa quảng cáo 2D và các sản phẩm đồ họa chuyển động như motion graphic, video...
22	Toán ứng dụng trong kinh tế	Học phần củng cố các kiến thức toán học đã được học trong chương trình phổ thông và cung cấp cho sinh viên các kiến thức toán học cơ bản, cần thiết cho sinh viên các chuyên ngành kinh tế và kinh doanh, bao gồm các kiến thức về: ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; và các kiến thức về dãy số, về phép tính giới hạn, tính liên tục của hàm số cùng với các phép tính vi phân, tích phân của hàm số một biến số cùng nghiên cứu kiến thức về hàm số hai biến số, phương trình vi phân, phương trình sai phân, cũng như biết cách ứng dụng của các công cụ toán này trong xây dựng và phân tích các mô hình kinh tế.

NA
TH
THO

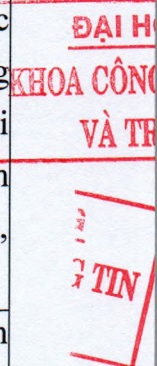
Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
23	Hành vi tổ chức	Học phần giúp phát triển khả năng của người học trong việc sử dụng kiến thức của hành vi tổ chức để giải thích, dự đoán và kiểm soát các hành vi của người lao động trong tổ chức nhằm mục đích tối đa hóa sự phù hợp giữa cá nhân và tổ chức.
24	Thị trường và các định chế tài chính	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất: lý luận cơ bản về tài chính, tiền tệ và hệ thống tài chính trong nền kinh tế thị trường; kiến thức tổng quát về cơ cấu tổ chức và hoạt động của hệ thống ngân hàng, vai trò của Ngân sách Nhà nước trong quá trình thiết lập và thực thi chính sách tiền tệ; đồng thời giới thiệu những nét cơ bản về các hình thức tín dụng và cán cân thanh toán quốc tế và thị trường chứng khoán.
25	Kinh doanh quốc tế	Học phần Kinh doanh quốc tế giúp cho sinh viên có cái nhìn tổng quát về môi trường kinh doanh quốc tế. Học phần có vai trò rất quan trọng trong việc cung cấp những kiến thức và hiểu biết nhất định về môi trường cũng như hoạt động kinh doanh quốc tế cho học viên trong xu hướng hội nhập kinh tế hiện nay.
26	Kỹ năng thuyết trình	Kỹ năng thuyết trình là môn học tự chọn trong chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh, cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về thuyết trình, hướng dẫn cách thực hiện bài thuyết trình, và quản lý cảm xúc trong thuyết trình. Nắm vững những điều này sẽ giúp người học tự tin khi trình bày các vấn đề, kế hoạch trước người khác.
27	Quản trị chiến lược	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản nhất về chiến lược, xây dựng lựa chọn chiến lược, triển khai thực hiện chiến lược, đánh giá và điều chỉnh chiến lược. Từ đó giúp người học có thể vận dụng để phân tích những cơ hội, thách thức để lựa chọn chiến lược phù hợp, tạo ra lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp và tổ chức trên thị trường.
28	Hành vi người tiêu dùng	Học phần này cung cấp cho người học những vấn đề cơ bản về hành vi mua của người tiêu dùng gồm : người tiêu dùng cá nhân và người tiêu dùng tổ chức. Khái niệm hành vi người tiêu dùng, các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi tiêu

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		dùng và các giai đoạn của quá trình quyết định mua hàng. Việc nghiên cứu trên giúp người làm công tác quản trị kinh doanh có thể xây dựng được hoạt động marketing phù hợp với từng đoạn thị trường. Học phần hành vi người tiêu dùng sẽ giúp việc học các môn chuyên ngành liên quan đến marketing như marketing điện tử, quản trị bán hàng hiệu quả hơn.
29	Ứng dụng tin học trong kinh doanh	Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng trong kinh doanh. Thông qua việc sử dụng công cụ Microsoft Excel với các nhóm hàm, lệnh và các thuật toán tối ưu, người học có thể phân nào tổng hợp, phân tích được các số liệu, lập được các kế hoạch, phương án kinh doanh, từ đó có được những quyết định đầu tư hiệu quả nhất
30	Kỹ năng làm việc nhóm	Học phần cung cấp từ các khái niệm căn bản của nhóm làm việc đến các kỹ năng để hoàn thành tốt vai trò thành viên nhóm và vai trò quản lý nhóm.
31	Kỹ năng soạn thảo văn bản	Học phần trang bị cho người học những hiểu biết về các loại văn bản hành chính và cách thức để soạn thảo các loại văn bản này. Từ đó, người học có thể soạn thảo được các loại văn bản hành chính cơ bản theo đúng quy định.
32	Kỹ năng sử dụng phần mềm power point	Học phần Kỹ năng sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint nhằm trang bị cho học viên các kiến thức và kỹ năng trong việc sử dụng và làm chủ phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint phục vụ cho học tập và công việc. Học viên biết cách tạo slide trình diễn cũng như sử dụng các khuôn mẫu, hiệu ứng hoạt hóa trong việc trình bày các slide.
33	Kỹ năng giải quyết vấn đề	Học phần Kỹ năng giải quyết vấn đề là kiến thức cơ sở ngành tự chọn đối với sinh viên ngành quản trị kinh doanh, được thiết lập nhằm cung cấp cho sinh viên những kiến thức cũng như kỹ năng về việc giải quyết vấn đề một cách thiết thực và hiệu quả trong môi trường thực tiễn tại doanh nghiệp. Học phần nhằm giúp SV có khả năng nhận diện (mô tả và phân tích) vấn đề, xác định đúng nguyên nhân của vấn đề cần giải quyết cũng như các công cụ, kỹ năng tìm ra nguyên nhân gốc của vấn đề và các giải pháp tối ưu để giải

INC
ÔNG
VG

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		quyết vấn đề.
34	Quản trị tài chính	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản của nhà quản trị tài chính như: phân tích báo cáo tài chính, hoạch định tài chính, đánh giá và chọn các dự án đầu tư; cơ cấu tài chính và sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, quản trị vốn luân chuyển, ngân sách đầu tư, chi phí vốn. Bên cạnh đó, giá trị thời gian của tiền tệ cũng được đề cập nhằm hỗ trợ cho việc đánh giá các quyết định tài chính dài hạn và ngắn hạn.
35	Nhập môn Thương mại điện tử	Học phần trang bị những kiến thức cơ bản về bản chất, hoạt động của thương mại điện tử cùng các hướng dẫn cụ thể để người học có thể biết cách vận dụng vào thực tế, khai thác thương mại điện tử như một công cụ kinh doanh sắc bén và hữu hiệu nhất. Đây là những kiến thức và kỹ năng cần thiết để hỗ trợ cho sinh viên trong việc học các học phần chuyên ngành như Thanh toán điện tử, Marketing điện tử, ... hay thực hiện đề án môn học, khóa luận tốt nghiệp.
36	Thiết kế website	Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Internet, cách tạo một Website đơn giản, cung cấp kiến thức nền tảng trong việc thiết kế website với công nghệ HTML, CSS tạo tiền đề cho việc phát triển và xây dựng web động bằng mã nguồn mở. Đồng thời giúp cho sinh viên Hiểu và vận dụng chức năng của Wordpress để xây dựng một website Thương mại điện tử cơ bản, biết cách quản lý và xuất bản website lên Internet.
37	Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử	Học phần Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức chuyên ngành Quản trị thương mại điện tử, được bố trí sau học phần Thương mại điện tử căn bản. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng chuyên sâu về các hoạt động tác nghiệp và cách thức quản trị các hoạt động tác nghiệp trong doanh nghiệp ứng dụng thương mại điện tử.
38	Marketing điện tử	Học phần Marketing điện tử (E-Marketing) là kiến thức cơ sở ngành bắt buộc đối với sinh viên ngành Quản trị kinh doanh, được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên sự hiểu

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		biết thấu đáo về những nguyên tắc và thực tiễn về marketing trong môi trường kỹ thuật số. Cung cấp góc nhìn sâu hơn về sự biến đổi của yếu tố môi trường công nghệ và thị trường tiêu dùng. Từ việc nắm bắt các kiến thức cơ bản về các công cụ trong marketing điện tử, sinh viên có thể thiết kế và tổ chức thành công các chiến dịch marketing trên môi trường internet và kỹ thuật số, phát triển mối quan hệ bền vững với khách hàng và góp phần nâng cao hiệu quả của chiến lược marketing tổng thể của doanh nghiệp.
39	Quảng cáo xúc tiến bán hàng	Học phần này trang bị kiến thức và kỹ năng quản trị truyền thông, đặc biệt là quảng cáo và xúc tiến bán hàng theo định hướng truyền thông tích hợp.
40	Quản trị bán hàng	Học phần Quản trị bán hàng giúp người học tiếp cận những khái niệm cơ bản về quản trị bán hàng, tầm quan trọng của hoạt động này và có cái nhìn tổng thể về toàn bộ môn học Quản trị bán hàng đó là: Bản chất của nghề bán hàng và tổng quan về quản trị bán hàng; những kỹ năng cần thiết đối với nhà quản trị bán hàng như lãnh đạo, phân tích, dự báo bán hàng, xây dựng đội ngũ bán hàng – tuyển dụng và lựa chọn, quản lý đội ngũ bán hàng,...
41	Chiến lược kinh doanh điện tử	Học phần giới thiệu các kiến thức cơ bản về khung chiến lược kinh doanh điện tử: khái niệm, mô hình, tạo giá trị và nắm bắt giá trị, các thách thức và mô hình hệ thống trong chiến lược kinh doanh điện tử, phân tích bên ngoài về sự ảnh hưởng của Internet đối với các môi trường vĩ mô và cấu trúc công nghiệp của các doanh nghiệp kinh doanh điện tử, phân tích bên trong khi có sự cạnh tranh trong kinh doanh điện tử. Kỹ thuật lựa chọn chiến lược các thị trường kinh doanh điện tử: hiểu cơ bản về lợi thế cạnh tranh và chuỗi giá trị, lựa chọn chiến lược phù hợp cho tổ chức bên trong các hoạt động kinh doanh điện tử và đối với sự tương tác các nhà cung cấp. Bản đồ chỉ dẫn thực hiện chiến lược kinh doanh điện tử và các trường hợp thực tế.
42	Quản trị quá trình đổi mới sáng tạo	Học phần giúp người học tiếp cận cơ sở nền tảng, phương pháp luận và các mô hình, công cụ quản trị quá trình đổi mới



Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		sáng tạo trong tổ chức. Người học sẽ hiểu hơn về bản chất của đổi mới; mối quan hệ giữa đổi mới sáng tạo, chiến lược, quản trị và lợi nhuận. Các chủ đề trọng tâm tập trung vào: các mô hình đổi mới, nguồn gốc đổi mới và lợi nhuận, chiến lược, đổi mới quy trình, phát triển và đổi mới sản phẩm, dịch vụ.
43	Đạo đức trong kinh doanh	Học phần này cung cấp những khái niệm liên quan đạo đức kinh doanh, trách nhiệm xã hội, thương hiệu và sự xuất hiện của các vấn đề đạo đức trong kinh doanh; các triết lý đạo đức điển hình ảnh hưởng hành vi con người trong kinh doanh; phương pháp và công cụ phân tích hành vi đạo đức kinh doanh và một số tình huống về đạo đức kinh doanh điển hình.
44	Đề án 1,2,3,4,5,6,7	Học phần đề án 1 với chủ đề “Mô hình kinh doanh” giúp sinh viên tìm hiểu và phân tích một số dự án thực tế, từ đó đề xuất một dự án khởi nghiệp. Dự án là một ý tưởng mang tính sáng tạo về sản phẩm thương mại điện tử. Học phần Đề án 2 với chủ đề “Phân tích môi trường kinh doanh tại công ty” giúp sinh viên vận dụng những kiến thức ở học phần Quản trị học liên quan đến các yếu tố môi trường như môi trường vĩ mô (áp dụng công cụ PESTLE), phân tích SWOT, 5 lực lượng của Porter (Porter’s 5 Forces,...) để ứng dụng vào trong việc phân tích sự ảnh hưởng của các yếu tố môi trường ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó sinh viên đề xuất một số hướng giải pháp liên quan giúp doanh nghiệp cải thiện và thích nghi với những thay đổi của môi trường. Học phần Đề án 3 với chủ đề “Quản trị nhân sự” giúp sinh viên vận dụng những kiến thức ở học phần Quản trị nguồn nhân lực và các lý thuyết liên quan như: mô tả và phân tích công việc, kế hoạch phát triển nghề nghiệp để xây dựng Kế hoạch phát triển nghề nghiệp bản thân với các nội dung chính: Định hướng nghề nghiệp tương lai, khám phá điểm mạnh, điểm yếu bản thân, phân tích ảnh hưởng của trường đến sự phát triển nghề nghiệp của bản thân, xây dựng hồ sơ

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		năng lực cá nhân phù hợp với công việc định hướng lựa chọn... Học phần Đề án 4 với chủ đề “Truyền thông – Tiếp thị” cung cấp cho sinh viên hướng dẫn để vận dụng những kiến thức và kỹ năng cơ bản nhằm xây dựng một chương trình truyền thông marketing cho một sản phẩm cụ thể. Học phần đề án 5 với chủ đề “Quản trị tài chính” cung cấp cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản để sử dụng các công cụ tài chính của doanh nghiệp, phân tích báo cáo tài chính, hoạch định tài chính, xây dựng được kế hoạch phát triển sản phẩm và đề xuất giải pháp cải thiện hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Học phần Đề án 6 với chủ đề “Chiến lược kinh doanh điện tử” giúp sinh viên vận dụng những kiến thức ở học phần Chiến lược kinh doanh điện tử và các lý thuyết liên quan như: các thách thức và mô hình hệ thống trong chiến lược kinh doanh điện tử, phân tích bên ngoài về sự ảnh hưởng của Internet đối với các môi trường vĩ mô và cấu trúc công nghiệp của các doanh nghiệp kinh doanh điện tử, phân tích bên trong khi có sự cạnh tranh trong kinh doanh điện tử để xây dựng chiến lược kinh doanh điện tử của một doanh nghiệp với các nội dung chính: Xác định mục tiêu chung của doanh nghiệp, Phân tích môi trường bên ngoài, Phân tích môi trường bên trong, Điều chỉnh mục tiêu chung, Lựa chọn chiến lược chuyển đổi số, Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số.
45	Quản trị chuỗi cung ứng	Học phần cung cấp 04 nội dung cơ bản của quản trị chuỗi cung ứng gồm: khái niệm về chuỗi cung ứng, những hoạt động cơ bản của quản trị vận hành chuỗi cung ứng, thiết kế chuỗi cung ứng và đo lường hoạt động chuỗi cung ứng. Nội dung được phân bổ trong 12 chương bao gồm lý thuyết, tình huống nghiên cứu và hoạt động tại lớp nhằm đạt được các mục tiêu về kiến thức, kỹ năng và thái độ.
46	Quản trị sản xuất	Học phần cung cấp các kiến thức về chuẩn bị sản xuất và quản trị quá trình sản xuất. Cụ thể: - Chuẩn bị sản xuất gồm các nội dung: Dự báo nhu cầu,

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		Thiết kế sản phẩm và công nghệ, Lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất, Định vị doanh nghiệp, Bố trí sản xuất trong doanh nghiệp, Hoạch định tổng hợp, và Hoạch định nhu cầu NVL. - Quản trị quá trình sản xuất gồm các nội dung: Điều độ sản xuất trong doanh nghiệp, Quản trị dự án sản xuất, Quản trị hàng dự trữ, và Quản lý chất lượng.
47	Quản trị marketing	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức marketing chuyên sâu về quản trị marketing, phân tích cơ hội marketing, phát triển chiến lược marketing và quản lý, chuyển giao các chương trình marketing. Sinh viên vừa học lý thuyết vừa thực hành thông qua quan sát, tìm hiểu một số hoạt động marketing trong thực tế cũng như thảo luận, giải quyết một vài vấn đề theo tình huống.
48	Thanh toán điện tử	Học phần này giới thiệu về thanh toán điện tử, sự hình thành và phát triển của thanh toán điện tử, so sánh thanh toán điện tử với các phương thức thanh toán truyền thống. Học phần này cung cấp những kiến thức về fintech, thanh toán di động, thẻ di động, ví điện tử, séc điện tử, và những ứng dụng trong thanh toán. Học phần này cung cấp kiến thức về giao thức thanh toán, những lợi ích và những rủi ro đem lại trong việc thanh toán điện tử.
49	Quản trị thương hiệu	Học phần tập trung giới thiệu tầm quan trọng của công tác quản trị thương hiệu trong công ty, các khái niệm và thuật ngữ quan trọng có liên quan đến môn học, phân tích nội dung của công tác quản trị thương hiệu: quá trình xây dựng thương hiệu, bảo vệ thương hiệu, quản lý thương hiệu trong quá trình kinh doanh.
50	Quản trị rủi ro trong TMĐT	Học phần Quản trị rủi ro trong thương mại điện tử trang bị cho người học những vấn đề lý luận cơ bản về rủi ro và quản lý rủi ro trong các hoạt động kinh doanh thương mại điện tử của doanh nghiệp, các nội dung và phương pháp chủ yếu về nhận dạng, phân tích, đo lường và bảo hiểm an toàn để kiểm soát rủi ro.
51	Phân tích và thiết	Đây là học phần tự chọn trong chuyên môn, cung cấp cho

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
	kế hệ thống thông tin	sinh viên các kỹ năng cơ bản nhất về phân tích và thiết kế hệ thống thông tin, xây dựng các hệ thống thông tin cơ bản để phục vụ trong thực tiễn.
52	Kỹ năng tìm kiếm việc làm và tuyển dụng	Học phần cung cấp các kiến thức và kỹ năng cho giai đoạn tìm kiếm thông tin việc làm, dự tuyển và sau dự tuyển. Giúp sinh viên nắm được quy chuẩn của bộ hồ sơ xin việc, các mẫu giấy tờ chính, cách thức chuẩn bị một bộ hồ sơ xin việc đầy đủ và đúng chuẩn. Giới thiệu sinh viên những kênh truyền thông tìm việc phổ biến, phân loại và đánh giá từng kênh truyền thông tìm việc. Đồng thời trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để thành công trong phỏng vấn.
53	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Học phần giúp sinh viên: - Trang bị các kỹ năng lựa chọn phương pháp nghiên cứu, kỹ năng xây dựng đề cương nghiên cứu và thực hiện một nghiên cứu khoa học. - Vận dụng những kiến thức được học vào việc tổ chức thực hiện một đề tài khoa học. - Giúp sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của công tác NCKH trong việc góp phần phát triển sự nghiệp của mình.
54	Kỹ năng thực hiện Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này trang bị cho sinh viên những kỹ năng để trình bày một khóa luận tốt nghiệp có bố cục rõ ràng; đúng quy định, kỹ năng để chuẩn bị và bảo vệ khóa luận thông qua nội dung như: Trình bày khóa luận tốt nghiệp; Liệt kê tài liệu tham khảo và trích dẫn tài liệu tham khảo; Vấn đề về bản quyền; Bảo vệ khóa luận. Học phần này sẽ giúp việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp đạt hiệu quả hơn.
55	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này dành cho các sinh viên đã học xong tất cả các Học phần chuyên ngành bắt buộc của khóa học, thỏa điều kiện về điểm học tập của Khoa quy định, và có mong muốn đăng ký thực hiện đề tài Khóa luận tốt nghiệp. Học phần yêu cầu sinh viên thực hiện một đề tài dưới dạng thức là một báo cáo hay một bài báo khoa học, có nội dung liên quan đến các kiến thức chuyên ngành của khóa học. Khi

Số TT	Tên học phần	Tóm tắt học phần
		thực hiện khóa luận, sinh viên sẽ được đề xuất đề tài hay được giao đề tài và được giảng viên phụ trách hướng dẫn khoa học. Sau thời gian thực hiện theo quy định, sinh viên sẽ nộp báo cáo khóa luận và các sản phẩm, giải pháp đã thực hiện để được kiểm tra, đánh giá kết quả. Việc thực hiện khóa luận tốt nghiệp phải theo đúng quy định, thông báo của Khoa về các mốc thời gian, mẫu báo cáo thuyết minh và các quy định khác về việc bảo vệ khóa luận..

G. ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN (Xem phụ lục)

H. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình thực hiện theo các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông (Đại học Đà Nẵng) về đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ. Chương trình này được định kỳ xem xét rà soát, hiệu chỉnh hằng năm nhằm đáp ứng sự phát triển của ngành và phù hợp với nhu cầu xã hội.

I. ĐÁNH GIÁ VÀ CẬP NHẬT, CẢI TIẾN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Cập nhật chương trình đào tạo

Định kỳ không quá 2 năm một lần, Trưởng Khoa quản lý chương trình đào tạo tổ chức rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành và theo Thông tư 07/2015/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 16/4/2015.

Quyết định ban hành chương trình đào tạo cập nhật, bổ sung trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Khoa học và Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được điều chỉnh, cập nhật.

II. Đánh giá chương trình đào tạo

Ít nhất 5 năm một lần, Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông quản lý chương trình đào tạo phải tổ chức đánh giá và cải tiến chương trình đào tạo theo Quy định hiện hành và theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành ngày 14/03/2016.

Quyết định ban hành chương trình đào tạo cải tiến, sửa đổi trên cơ sở đề xuất của Tổ Đào tạo sau khi chương trình đào tạo được đánh giá.

TỔ ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

Th.s Nguyễn Văn Bình

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
VÀ TRUYỀN THÔNG
PGS. TS. Huỳnh Công Pháp

PHỤ LỤC 1: DANH SÁCH GIẢNG VIÊN

1. Danh sách giảng viên cơ hữu của chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
2	Trần Thị Mỹ Châu 1979; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2008				Nguyên lý kế toán
3	Huỳnh Thị Kim Hà 1977; Giảng viên	Thạc sĩ; Australia; 2007				Luật kinh doanh
4	Vũ Thu Hà 1984; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2012				Nhập môn Thương mại điện tử
						Ứng dụng tin học trong kinh doanh
5	Nguyễn Linh Giang 1984; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2012				Kinh tế vi mô
						Kỹ năng tìm kiếm việc làm và tuyển dụng
6	Nguyễn Thị Kim Ngọc 1979; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2009				Nhập môn trong kinh doanh
						Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh tế
7	Lê Hà Như Thảo 1988; Giảng viên	Thạc sĩ; Anh; 2014				Giao tiếp trong kinh doanh
						Kỹ năng làm việc nhóm
						Tiếng anh chuyên ngành

NG
ÔNG
NG

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
8	Trần Lương Nguyệt 1987; Giảng viên	Thạc sĩ; Đài Loan; 2016				Đạo đức kinh doanh
9	Nguyễn Thị Thanh Huyền 1989; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2015				Quản trị tài chính
10	Nguyễn Thị Tuyết 1986; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2013				Anh văn đại cương
11	Đào Thị Thu Hương 1989; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2015				Kinh tế vĩ mô
12	Nguyễn Thị Thanh Nhân 1990; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2015				Quản trị thương hiệu
13	Đặng Thị Thanh Minh 1990; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2015				Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử
						Kỹ năng giải quyết vấn đề
14	Bùi Trần Huân 1981; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2013				Quản trị học
						Mô hình giao dịch TMĐT
15	Nguyễn Lê Lộc Tiên 1991; Giảng viên	Thạc sĩ; Anh; 2016				Kinh doanh quốc tế
						Kỹ năng thuyết trình
16	Nguyễn Văn Bình 1982; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2011				Hệ thống Thông tin quản lý

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Khoa/bộ môn	Học phần tham gia giảng dạy
						Kỹ năng soạn thảo văn bản
17	Dương Thị Mai Nga 1983; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2013				Tin học đại cương
						Kỹ năng sử dụng phần mềm Power Point
18	Nguyễn Đức Hiền 1973; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2003				Thiết kế Website
19	Nguyễn Anh Tuấn 1989; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2012				Kỹ thuật đồ họa ứng dụng
						Phân tích và thiết kế hệ thống thông tin
20	Vũ Thị Tuyết Mai 1988; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam; 2015				Thống kê kinh doanh
21	Trương Hoàng Tú Nhi 1989; Giảng viên	Thạc sĩ; Đài Loan; 2016				Kế toán doanh nghiệp
						Kỹ năng thực hiện Khóa luận tốt nghiệp
22	Đinh Nguyễn Khánh Phương 1986; Giảng viên	Thạc sĩ; Việt Nam liên kết Anh; 2018				Quản trị chuỗi cung ứng

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

TIN

2. Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy chương trình đào tạo

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Cơ quan	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần tham gia giảng dạy
1	Lê Hữu Ái 1960; Trưởng Khoa LLCT – Trường ĐHKHT	Tiến sĩ; Việt Nam; 1999	Phó Giáo sư, 2009				Triết học Mac – Lenin
2	Lưu Thị Mai Thanh 1978; Khoa LLCT – Trường ĐHKHT	Thạc sĩ; Việt Nam; 2006					Kinh tế chính trị Mác - Lênin
3	Phạm Huy Thành 1979; Khoa LLCT – Trường ĐHKHT	Tiến sĩ; Việt Nam; 2014					Tư tưởng Hồ Chí Minh
4	Lê Đức Tâm 1960; Khoa LLCT – Trường ĐHKHT	Thạc sĩ; Việt Nam; 1996					Lịch sử ĐCSVN
5	Ngô Thị Hiền Trang 1987; Khoa Tiếng Anh – Trường ĐHNN	Thạc sĩ; Việt Nam; 2013					Ngoại ngữ đại cương
6	Phạm Thị Thu Hương 1973; Khoa Tiếng Anh Chuyên ngành – Trường ĐHNN	Thạc sĩ; Việt Nam; 2002					Ngoại ngữ đại cương
7	Nguyễn Dương Nguyên Trinh 1972; Khoa Tiếng Anh – Trường ĐHNN	Thạc sĩ; Việt Nam; 2001					Ngoại ngữ đại cương

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Cơ quan	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần tham gia giảng dạy
8	Phan Đức Tuấn 1976; Khoa Toán – Trường ĐHSP	Tiến sĩ; Việt Nam; 2013					Toán ứng dụng trong kinh tế
9	Tôn Long Cường 1989; Giảng viên	Đại học; Việt Nam; 2000					Giáo dục thể chất
10	Huỳnh Thái Hưng 1976; Giảng viên	Đại học; Việt Nam; 2010					Giáo dục thể chất
11	Trần Trung 1983; Khoa Luật - Trường ĐHKT	Thạc sĩ; Pháp; 2008					Luật kinh doanh
							Pháp luật đại cương
12	Lê Thị Minh Hằng 1977; Khoa Quản trị kinh doanh – Trường ĐHKT	Tiến sĩ; Pháp; 2012					Quản trị bán hàng
13	Nguyễn Thị Bích Thu 1969; Khoa Quản trị kinh doanh – Trường ĐHKT	Tiến sĩ; Việt Nam; 2009					Hành vi tổ chức
14	Nguyễn Quốc Tuấn 1966; Khoa Quản trị kinh doanh – Trường ĐHKT	Tiến sĩ; Ucraina; 2013					Quản trị sản xuất
15	Nguyễn Thị Minh Tâm 1985; Khoa Thương mại - Trường ĐHKT	Thạc sĩ; Anh; 2012					Quảng cáo và Xúc tiến bán hàng

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Cơ quan	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần tham gia giảng dạy
16	Đặng Thị Thu Trang 1983; Khoa Thương mại - Trường ĐHKHT	Tiến sĩ; Pháp; 2013					Marketing căn bản
17	Đường Thị Liên Hà 1977; Khoa Marketing - Trường ĐHKHT	Tiến sĩ; Việt Nam UPMF; 2016					Hành vi người tiêu dùng
18	Nguyễn Phúc Nguyên 1969; Khoa Quản trị kinh doanh – Trường ĐHKHT	Tiến sĩ; Nhật; 2012	Phó Giáo sư; 2016				Quản trị nguồn nhân lực
19	Nguyễn Ngọc Uyên Phương 1987; Khoa Quản trị kinh doanh – Trường ĐHKHT	Thạc sĩ; Anh; 2014					Quản trị rủi ro trong TMĐT
20	Đinh Bảo Ngọc 1977; Khoa Tài chính – Trường ĐHKHT	Tiến sĩ; Pháp; 2012					Thị trường và các định chế tài chính
21	Võ Quang Trí 1977; Khoa Marketing - Trường ĐHKHT	Tiến sĩ; Pháp; 2013					Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử
22	Phan Kim Tuấn 1976; Khoa Thương mại - Trường ĐHKHT	Thạc sĩ; Việt Nam; 2010					Thanh toán điện tử

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học vị	Học hàm	Email	Cơ quan	Kinh nghiệm giảng dạy	Học phần tham gia giảng dạy
23	Trần Xuân Quỳnh 1990; Khoa Thương mại - Trường ĐHKT	Thạc sĩ; Đài Loan; 2013					Marketing điện tử
24	Trần Thị Thanh Hương 1988; Khoa Thương mại - Trường ĐHKT	Thạc sĩ; Nhật; 2014					Chiến lược kinh doanh điện tử
25	Lê Văn Huy 1975; Trưởng phòng Đào tạo - Trường ĐHKT	Tiến sĩ; Pháp; 2008	Phó Giáo sư; 2012				Quản trị Marketing

Ghi chú: Kinh nghiệm giảng dạy: Nơi giảng dạy, thời gian, ngôn ngữ

TIN

PHỤ LỤC 2: BẢNG ĐỐI SÁNH CTĐT VỚI CÁC CTĐT TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

1. Tên CTĐT (cùng trình độ)/tên cơ sở giáo dục đại học trong nước đã tham khảo và đối sánh:

TT	Tên chương trình đào tạo đã tham khảo và đối sánh	Trường đại học	Hình thức (đánh dấu X)	
			Tham khảo	Đối sánh
1	Quản trị kinh doanh	Trường Đại học Thương mại – Hà Nội	1	
2	Thương mại điện tử	Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông – Đại học Thái Nguyên	2	
3	Quản trị kinh doanh tổng quát	Trường Đại học Kinh tế - Đại học Đà Nẵng	3	

2. Tên CTĐT (cùng trình độ)/tên cơ sở giáo dục đại học nước ngoài đã tham khảo và đối sánh:

TT	Tên chương trình đào tạo đã tham khảo và đối sánh	Trường đại học/Quốc gia	Hình thức (đánh dấu X)	
			Tham khảo	Đối sánh
1	<i>Economics and Business</i>	The University of Amsterdam, Netherlands	X	
2	Business management	The University of Southampton, United Kingdom	X	